

Thơ vui về tiếng Huế



*Đi đâu thì nói “đi mô”
“O nó” ám chỉ “Cái Cô” chung trường
“Ốt dột” khi tui nói thương
Có nghĩa “mắc cỡ” má vương nụ hồng.
“Khôn” là đồng nghĩa với không
Chẳng muốn lấy chồng, “khôn muốn lấy dôn”
“Đoản hậu” là “Ác” en ni
Tui đã ... im lặng cứ đi theo hoài
Nhà tui còn khoảng đường dài
Có chi noái nấy, ngày mai hết rồi
Trên cao thì nói “trên coi”
“Đi rượng” là lúc sóng đôi như chừ
“Phủ phê” là lúc thặng dư
Như là tình cảm “đã nư”, no đầy
“Như ri” có nghĩa như vầy*

... Mô Tê Răng Rứa, em quây ... mòng mòng



“Ở nể” đồng nghĩa ở không
Trai hông lí dzợ., không chồng “ế dôn”
Ngu ngu thì nói “khôn khun”
Đại đại mô tả “đều đều” mặt ra
Còn trẻ thì nói chưa “tra”
Tới tuổi già già khú đế là “ôn”
Có cô thiếu nữ lấy “dôn”
Lấy được ông chồng thẳng chức “mụ o”
“Răng chừ” đồng nghĩa “khi mô”
“Khi mô” có nghĩa khi nào đó thôi
“Khi mô” có cặp có đôi
“Răng chừ” hết cảnh tuổi đời bơ vơ
Đơn côi “cái trốt” dật dờ
Là ôm đầu bạc “cà ngơ” một mình
Lặng yên thì nói “mần thình”.
Để nghe len lén duyên tình giảng tở.
“Mua lửa” thì thật phải lo
Vì là mua chịu ai cho “lửa” hoài
“Mắc lửa” là thiếu nợ dài
“Lửa” chi không thiếu, chẳng phai “lửa tình”
“Sáng mơi” là lúc bình minh
Của ngày kế tiếp, nong tình đem phơi
“Bữa tề” em hẹn lại chơi
Quên bằng cái việc em mời bữa kia
“Bữa tề” mang lịch ra chia
“Bữa tề” là trước bữa kia hai ngày
“Bữa ni” là bữa hôm nay
Là lúc đương nói hàng hai đây ni
“Mần chi” ai hỏi làm chi
Em muốn làm gì, “răng hoải mần chi?”
Thế này thì nói “ri nì”
“Rứa tề”, thế đó mần chi đây hè?
Cái cây thì noái cái “que”
Còn ở trước hè lại nói cái “cươi”
Cái “ôn” bản mặt tươi tươi
Ưa đi tán bậy là người “vô duyên”



*Lấy chồng rằng gọi mụ o ?
Anh trai lấy vợ, mình thành mụ o
mụ o hiền hậu khỏi lo
mụ o nhiều chuyện là mụ o “dạn” mồm
Tối qua thì nói “khi hôm”
Hoàng hôn: “Chạng vạng, nghe run quá trời
Sớm mơ mang “chủi xuất cươ”
Sài Gòn nghe thấy thì cười bò lăn
Lỡ ưng rồi, biết mần răng !
Cái giọng trọ trọ.....cũng muốn ăn chung một nôi
Con gái chưa nói đã cười
Bị người ta nói là người vô duyên.
Đọc thơ Cai, thấy đã ghiền
Huế ơi nhớ quá, muốn bay liền ra ngay...*

Tiếng Huế không phải chỉ đơn giản tê mê rằng rứa như tỉnh thoảng vẫn xuất hiện trong thơ, nhạc và văn xuôi như những nét chấm phá rất dễ thương để nói về người và xứ Huế; mà nhức đầu, phức tạp, nhiều kê, đa dạng và phong phú hơn nhiều . Tùy vào từng địa phương của Huế, cách phát âm có chỗ nặng nơi nhẹ; lúc thanh tao khi khó hiểu .

Xin được đơn cử một câu rất Huế, một tâm sự kín đáo giữa hai o đang tuổi lấy chồng: “Tau nói với mi ri nì, ien còn ở dôn, rứa mà bữa tê tề, ien chộ tau phơ ló ngoài cươ, ien kiêu tau vô, bôn tau lên chờn, cái ba . . . ien dẫn . Mi quai chương khôn ?”

Sở dĩ tâm sự kín đáo vì đây là chuyện riêng của hai người, nói bằng thổ ngữ, nhưng ý nghĩa thì như vậy: *“Tao nói với mày như vậy, ảnh còn ở rể, vậy mà hôm kia kia, tao đang phơi lúa ngoài sân, ảnh kêu tao vào, bỗng tao lên giường, rồi ảnh . . . Mày coi có kỳ không ?”* .

Chữ dẫn, ngoài ý nghĩa một trong bốn cái nhất của đời người trên còn có nghĩa như ăn: *“Dẫn cho bura rồi đi nghe”* . Ăn cho no rồi đi ngắm gái . Dẫn cũng có nghĩa là đánh đòn: *“Dẫn cho hấn một chặp!”* (Đục cho hấn một hồi!) .

Chữ dẫn còn được phong dao Huế ghi lại:
Được mùa thì chẻ cơm hẩm
Mất mùa thì dẫn cơm thi

Xin được thêm một câu ngắn gọn gần như rặt thổ ngữ của Huế mà, nếu không có . . . thông dịch viên gốc Huế hoặc Huế rặt, e rằng khó mà . . . đã thông cho được:

“Thưa cụ mợ, bọ tui vô rú rút mây về đờn rết, bọ tui chộ con cọt, rứa mà nỏ biết ra rãng, con cọt lủi, lủi năng lắm, bọ tui mừng rứa thê ! Chừ mạ tui cúng con gà, cụ mợ qua chút chò bui .”

(Thưa cậu mợ, bố con vào rừng rút mây về đan rá (hoặc nia), bố con thấy con cọt, vậy mà chẳng biết sao; con cọt chạy trốn, chạy lẹ lắm; bố con mừng quá . Giờ mẹ con đang cúng con gà, cậu mợ qua chút xíu cho vui) Khó hiểu chưa ? !

Thổ ngữ ở Huế thì nhiều lắm và cũng lạ lắm, và vì tiêu đề của bài này là lan man về những thổ ngữ đó, nên xin được nhấn nha tìm lại chút ít những gì đã mất và ôn lại những gì đang còn xài .

Vì trang báo có hạn, không thể giải thích từng chữ một, nên trong bài này, xin được ghép thổ ngữ thành từng câu, từng nhóm thổ ngữ, vừa đỡ nhàm chán lại ra câu ra kéo, có đầu có đuôi hơn: *“Đồ cái mặt trôm lơ mà đòi rượn đực!”* (Thứ mặt mày hốc hác mà đòi hóng trai) Độc chưa ?

O mô mà lỡ mang cái nhãn không cầu chứng tại tòa này chắc phải ở giá hoặc phải chọn kiếp . . . tha hương may ra mới có được tấm chồng .

Chữ rượn gần đồng nghĩa với câu con ngựa Thượng Tứ, câu này cũng độc không kém . Thượng Tứ là tên gọi của cửa Đông Nam, bên trong cửa này có Viện Thượng Kỳ gồm hai vệ Kinh kỵ vệ và Phi kỵ vệ chuyên nuôi dạy ngựa cho triều đình Huế . Vì thế gọi ngựa Thượng Tứ có nghĩa bóng bẩy xa xôi rằng con đó nó ngựa lắm, nó lắm, nhưng

thâm thuý hơn nhiều “**Mệ cứ thộn ló vô lu, còn lưạ, tui này lại !**” (Bà cứ dồn lúạ vô khạp (cho đầy), còn dư ra, con mua lại) .

Chữ lưạ cũng còn có nghĩa là còn đó như trong hai câu trong bài ca dao Huế: Cây đa bến cộ (cũ) còn lưạ (còn đó)

Con đồ đã khác năm xưa tê rồi

Này lại (mua lại); tiếng này thường chỉ dùng nơi xóm giềng, thân cận; tương đương với chữ nhường lại, chia lại, mua lại . Chữ không dùng ở chợ búa hoặc nơi mua bán um sùm **Đập chắc lỗ đầu, vạ máu!** (Đánh nhau bể đầu, toé máu!)

Thương bọ mạ để mô ? Để côi trớt! Chắc chúng ta cũng thường hay hỏi lũ con lúc chúng vừa tập nói, vừa biết tỏ tình thương đối với cha mẹ, câu này có nghĩa: “Thương bố mẹ để đâu ? Để trên đầu!” Rồi đưa ngón tay chỉ chỉ, miệng cười cười, nghe hoài không biết chán

Tra trắn rứa mà còn ở lỗ! (Chững chạc, già đầu vậy mà còn cỏi truồng) . Ở lỗ cũng xuất hiện trong câu phương ngôn “ăn lông ở lỗ” hoặc “con gái Nam Phổ, ở lỗ trèo cau!”

Lên côi độn mà coi (Lên trên đồi mà xem .) Chữ coi về sau này đã phổ biến đến nhiều địa phương khác .

Mự đừng có làm đày! (Mự đừng có lảm lời, thày lay) . Riêng chữ cụ mự thường là dùng cho cậu mự . Người Huế ít dùng chữ cụ để chỉ người già vì đã có chữ ôn hay ông . Điển hình như cụ Phan Bội Châu với chuỗi ngày “an trí ” ở Huế, dân Huế đã có tên gọi ông già Bến Ngự, hoặc trong ca dao Huế, khi nói đến cụ Phan: Chiều chiều ông Ngự ra câu

Cái ve cái chén cái bầu sau lưng

Chộ chưa ? Nỏ chộ ! (Thấy chưa ? Không thấy !) Nỏ là lối phủ nhận gọn gàng pha chút giận hờn, chanh cốm như chả biết, chả ăn, chả thềm vào ! Hấn mô rồi ? Nỏ biết ! Chữ nỏ biết ở đây pha chút, chút xíu thôi sự phủi tay về cái chuyện hấn đang ở đâu ! Tục ngữ Huế: **Có vỏ mà nỏ có ruột** .

Khóc lảy đảy, không biết ốt dột ! (Khóc ngon khóc lành, không biết xấu hổ!) .

En dòm tui, tui dị òm ! (Anh ấy nhìn tôi, tôi thẹn quá !) Chữ òm người Huế vẫn thường dùng để bổ túc cho cái phủ định của mình: Ngon không ? Dở òm !

O nớ rãng mà không biết hổ người ! (Cô đó sao mà không biết mắc cỡ !) Hổ người cũng là tên của cây trinh nữ, cây mắc cỡ . Cũng như xấu hổ, thẹn, mắc cỡ thì ốt dột, dị và hổ người có nghĩa khác nhau tuy chút ít nhưng tinh tế, nhẹ nhàng

Chiều hẩn cho gắt, hẩn được lờn !: Chiều nó cho lắm vào, nó làm tới . Mời ôn mệ thời cơm: Mời ông bà dùng cơm .

Mệ tra rồi mệ chượng: Bà ấy già nên sinh tật . Chữ chượng, người Huế cũng thường dùng để chỉ mấy đấng nhóc tí khóc nhe, bướng bỉnh hoặc các vị có lối nói, cách hành xử ngang như cua .

Ăn bụ cua cho hết đái mế: Ăn vú cua cho hết đái dầm . Chữ bụ cũng dành cho người và các loài có vú khác . Bụ mẹ là vú mẹ, bọp bụ là bóp vú .

Bữa ni rãng tau buồn chi lạ, buồn dễ sợ luôn ! (Sao hôm nay tao buồn quá, buồn quá trời luôn !) . Dễ sợ, với người Huế không đơn thuần ở nghĩa thấy mà ghê ! hoặc khủng khiếp quá !, mà còn có nghĩa, thí dụ:**Con nớ đẹp dễ sợ !:** Con bé đó đẹp quá trời !

Rãng mà cú trấu rứa tê ?: Sao mà cộc cằn quá vậy ? Chữ cú trấu nếu phát âm đúng với giọng Huế thì nghe nặng hơn chữ cộc cằn nhiều, có lẽ phải gom thêm mấy chữ như thô lỗ, vũ phu thì mới lột tả được hết nghĩa .

Huế nói trại :

Nói trại là nói sai giọng, không đúng âm theo giọng viết, nói trại đôi khi cũng dùng trong trường hợp “nói khác đi, nói cách khác” . Cách nói bị biến âm này rất phổ thông ở Huế, nhất là dân cư vùng biển . Nói trại làm cho âm thanh nặng hơn, khó hiểu hơn .

Con trâu tắng ăn ngoài bụi te tức là con trâu trắng ăn ngoài bụi tre . **Tời tong tẻ, nước tong veo:** Trời trong trẻo, nước trong veo .

Hầu hết những từ bắt đầu bằng “nh” đều được người Huế nói trại thành “gi”: già (nhà) . *Giờ già giờ vợ ở già*: Nhớ nhà nhớ (luôn) vợ ở nhà!

Những từ bắt đầu bằng “s” thì nói trại ra thành “th”: *Ăn sung mặc sướng* hoặc *Thầy gòn* là Sài gòn, hoặc nữa: *Noái năng thông phẳng*: nói cho sòng phẳng, rõ ràng . Lối phát âm của người Huế không xác định được âm cuối là “n” hay “ng”: *Con thằn lằn chép miệng thở than!*: Con thằn lằn chép miệng thở than!

Những chữ có âm “o” thường nói trại ra “oa”: *Xa vòi vọi, noái khôn tới, với khôn được, ngó khôn chộ*: Xa vòi vọi, nói không tới, với không được, nhìn không thấy! Hoặc nữa: *Đi coi boái, thầy boái noái đi coi cái vòi vọi* Đi coi bói, thầy bói nói đi coi cái vòi vọi.

Những chữ có âm “ô”, người Huế thường nói trại thành âm “u”: *Thúi trong thúi ra*: Thối từ trong ra ngoài. *Túi lửa tắt đèn*: Tối lửa tắt đèn.

Nậy rồi mà mũi rũi thò lò !: Lớn đầu mà mũi rũi lòng thòng ! Chữ thò lò cũng đã góp mặt trong ca dao Huế:

Học trò thò lò mũi xanh

Cầm cái bánh đúc chạy quanh nhà thầy !

Vô rú mà đốn săng: Vào rừng mà đẵn gỗ . Săng cũng đã góp mặt trong mấy câu hò giã gạo với lối đối đáp rất “văn hóa” của Huế:

Bên nữ:

Lẻ củi săng chẻ ra văng vổ

Bỏ vô lửa đổ than lại thành than

Trai nam nhân chàng mà đối đặng

Thiếp xin kết nghĩa tào khang trọn đời

Nghĩa: Cây củi gỗ chẻ ra văng (Văn) vổ (Võ), thảy vô lửa thì thành (Thành) than (Thang) . Cái kẹt là ý lại thâm hậu, cao xa hơn nhiều: Văn, Võ Thành, Thang là những vị vua thời Tam Đại, Tây Châu bên Tàu .

Bên nam:

Trâu ăn giữa vạc ló lỗ

Đã ngụy chưa tề !

*Nam nhân chàng đã đối đặng
Thiếp đã chịu theo chàng hay chưa ?*

Nghĩa: Con trâu (Trâu) ăn giữa vạt lúa trở (Lỗ), sao kỳ quá vậy ? Ý ư, cũng điển tích như ai: **Trâu, Lỗ, Ngụy Tề** là bốn nước thời Xuân thu Chiến Quốc cũng ở bên Tàu luôn . Còn hai người có “tào kang” với nhau được hay không là chuyện . . . của họ

En trên rầm thượng bố xuống, nằm ngay đơ cán cuốc, phải điu đi nhà thương !: Anh ấy té trên rầm thượng té xuống, nằm cứng như cán cuốc, phải bồng, cũng đi nhà thương !

Rầm thượng là gác lửng, hay kho chứa bên dưới mái nhà ? Ở Huế, rầm thượng không phải là chỗ ngủ nghỉ mà là nơi chứa những đồ gia dụng đáng giá nhưng phải cỡ nhỏ, vì không có lối lên . Muốn lên rầm thượng, phải bắc thang; thân phụ tôi đã dùng rầm thượng để cất giữ những đồ cổ vừa phải, không quý lắm .Còn nếu quý nữa thì bỏ vào rương xe, một thứ tủ thấp đóng bằng gỗ thật dày, có nắp đậy, có luôn 4 bánh xe để đẩy vì khiêng không nổi, nặng quá mà ! Mặt bằng của rương xe là cái đi-văng, tối tối cứ trải chiếu nằm ngủ trên đó là khỏi lo trộm đạo

Nước mắt chặm hoài không khô, răng khổ ri nì trời !: Nước mắt lau, thấm hoài không khô, sao khổ vậy nè trời ! Chũ chặm cũng đã lãng đãng trong mấy câu hò giã gạo, mà vì não nùng ai oán quá, nghe hò xong e phải . . bỏ chày luôn:

*Hai hàng nước mắt như mưa
Cái khăn lau không ráo
Cái áo chặm không khô
Công anh đổ xuống ao hồ
Quy thưa bầm dạ thuở mô đến chừ !*

Mặt mày chạu bậu, ai chịu cho thấu !: Mặt mày một . . đống, ai chịu cho nổi ! Chũ thấu cũng có nghĩa là tới: *Kêu trời không thấu:* Kêu không tới trời; *Vô thấu trong Thày gòn:* Vô tuốt trong Sài gòn . *Mả cha cái thẳng vô hậu:* Tiên sư cái thẳng đoảng

Ăn trầu coi thiếc: Ăn trầu (để) trong hộp, quả bằng thiếc . Cái coi thiếc cũng đã đi vào tục ngữ Huế: Uống nước chè tàu, ăn trầu coi thiếc.

“*Mả cha mi*” là tiếng chửi, lời nhiếc mắng rất thông dụng ở Huế, đồng nghĩa với “mồ cha mày”. Lối chửi này ít thông dụng ở những địa phương khác.

Đi xe hay đi churen xuống rứa ?: Đi xe hay đi bộ xuống đây vậy ?

Túi thui thui, có chộ chi mô !: Tối quá, không thấy gì hết!

Rạt gáo rồi mà còn làm le làm gió !: Cạn túi rồi mà còn làm chảnh, làm sang !

Ăn đọai cơm hến, uống đọai nước chè: Ăn tô cơm hến, uống bát nước chè (xanh).

Tục ngữ Huế: *Ăn lưng đọai, làm đọai lưng* (làm muốn gãy lưng !).

Cơm hến, chẳng có chi cầu kỳ, nhưng nhiều mùi vị với lưng bát cơm nguội, rau sống, thân chuối non, rau mùi xắt nhuyễn, nước luộc hến chan vô, cho chút xíu ruốc, bỏ chút ít hến xào, thêm vài trái ớt, đúng với cái ít ỏi của Huế.

Bữa ni đi kéo ghế: Hôm nay đi ăn nhà hàng. Người Huế, nhất là ở thôn quê, thường dọn cơm trên phản, trên tấm ngựa. Không dọn trên bàn nên khỏi có cái vự kéo cái ghế mà ngồi vào bàn. Vì thế, mỗi khi được dịp đi ăn ở quán, ở nhà hàng thì gọi là đi kéo ghế.

Huế làm đày làm láo, Huế nói chữ

Vâng, người Huế, nhất là mấy o, mấy mẹ thì ưa ăn nói văn hoa chữ nghĩa, ưa đa sự đa lự, ưa . . . *làm đày làm láo*, tức ưa xảnh xẹ, ưa nói lý nói sự, nói đông nói dài. Thêm vào đó, phải nói cho hay, khi trầm khi bổng, lúc nhạt lúc khoan thì “tụng” mới phê !

Cái phong cách noái lạp đi lạp lại của người Huế vừa như là một cách nhấn mạnh, vừa có vẻ dạy đời lại vừa mang nhiều ý nghĩa khác, xa xôi hơn, thâm thúy hơn nữa.

Để mô tả cái sự lạnh chanh lắ, xí xọn quá, lu bu lắ. Người Huế ít khi dùng chữ lắ hay chữ quá mà dùng điệp ngữ: *Cái con nó, lạnh cha lạnh chanh ! Mấy mụ o gion (nhon) mồm* tức mấy bà chị chồng mỏng mép của Huế vẫn đôi khi chê em dâu: *Răng mà hắ vô phép vô tắc rứa hè !*: Sao mà nó vô phép quá vậy!

Về màu sắc, người Huế thường có lối nói điệp ngữ để nhấn mạnh: *xanh lè lè, đỏ lòm lòm, đen thui thui, vàng khè khè, tím giắt giắt (tím ngắt)*.

Bởi, cà rịch cà tang rứa mà đòai làm giôn !: Vậy đó, tà tà, lè phè vậy mà đòi làm rể !

Còn nữa, để than trách ông trời sao mưa lâu quá, mấy o ngồi chờ hỏ trong nhà dòm ra, chép miệng than dài than ngắn: *Mưa chi mưa mưa thúí đất thúí đai !*.

Một bà mẹ tụng cô con gái, một bà chị cả mô-ran cô em thứ mà nghe cứ như là đang đọc một bài đồng giao với vằn điệu, trầm bổng cũng là một trong những sinh hoạt dưới mái gia đình: *Mi phải suy đi nghĩ lại cho kỹ ! Mi coi, là con gái con lúá, đừng có đụng chảng hay chớ, cũng đừng lật đật lật đật, cũng đừng có mặt sa mà y sía . Bọ mạ thì quần ống cao ống thấp, tất ba tất bậ để nuôi mình . Tau thấy mi rúa, tau cũng rầu thúí ruộ thúí gan !*

Cái thông điệp cho thằng em trai thì: *Năm tể năm năm tê, mi còn lảm đả lảm đả, mũi rãì thò lò, chừ mi nậy rồi, phải biết ăn biết noái, biết goái biết mở, vô khuôn vô phép . Chớ mai tê mốt nọ mi nên vai nên vế, nên vợ nên chồng, làm rằng mi bông lông ba la hoài như cái đồ trôi sông lạc chợ cho được ?!*

Mấy ôn, khi giáo huấn con cháu, vẫn thường trích dẫn ca dao, tục ngữ để đệm thêm cho ý tưởng của mình: *Đó, mi thấy đó . Ai ơi chớ phụ đên chai, thấp trong Càn Chánh rạng ngoài Ngọ Môn . Mi đoảng, mi vô hậu, được bèo quên rá, được cá quên nơm; thì mi lấy ai mà bầu bạn, lấy mô mà tri kỷ !*

Xa Huế đã lâu lắm rồi, từ ngày vừa biết tập tành đi *nghe* mấy o Đồng Khánh, vừa ngấp nga ngấp nghe muốn vào (nhưng sợ bị chưởi) nhấm nháp thử ly cà phê đen sánh của cà phê Phấn, nơi mà các anh hùng trong thiên hạ vẫn tấp nập ra vào; và cũng vừa biết để dành tiền để mua những tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn tại nhà sách Ưng Hạ . Phong cách Huế không ít thì nhiều cũng đã phôi pha, thổ ngữ Huế cũng không mấy khi có dịp để dùng lại cho đỡ giớ, cho khỏi quên; thành ra cũng xao lãng đi nhiều . Trong cái xao lãng bỗng có ý nghĩ muốn tìm lại, noái lại tiếng noái của thời cũ rích cũ rang nhưng đằm thắm đó . Cho nên chỉ xin được ghi lại đây những gì còn nhớ mại mại, để gọi là khơi lại chút âm thanh của những ngày xưa cũ

Phan Thịnh

(Nguồn :langvinhxuong.com)